

Bản án số: 11/2021/HSST
Ngày 01/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách

Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị H, thư ký Tòa án nhân dân huyện QV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đắc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện QV, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1981; Giới tính: Nam; HKTT: GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Hữu C2 và con bà Nguyễn Thị G; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

****. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CN, xã SG, huyện GB, tỉnh BN

2. Chị Phùng Thị N1, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: T2, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN

3. Ông Nguyễn Hữu C2, sinh năm 1950 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại A2 (viết tắt là Công ty A2), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty THHH hai thành viên trở lên, mã số kinh doanh 2300555711, do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh BN cấp lần

đầu ngày 22/06/2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/8/2019; địa chỉ trụ sở tại: thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN; vốn điều lệ 500.000.000 đồng, công ty có 02 thành viên góp vốn (Nguyễn Hữu C1 góp 100.000.000 đồng, ông Nguyễn Hữu C2 góp 400.000.000 đồng); ngành nghề kinh doanh các sản phẩm về điện nước và vật liệu xây dựng; Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty là Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1981, HKTT: thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN.

Để hoạt động việc kinh doanh, Nguyễn Hữu C1 đã mở 02 tài khoản: tài khoản số 113000060331 chủ tài khoản Công ty TNHH sản xuất và thương mại A2; số tài khoản 100885332999, chủ tài khoản Nguyễn Hữu C1 đều tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh BN, phòng giao dịch huyện QV. Đồng thời thuê chị Nguyễn Thị Chiên, sinh năm 1979 ở cùng thôn làm kế toán và thuê anh Nguyễn Thọ L, sinh năm 1985 ở cùng thôn làm nhân viên bán hàng của công ty.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khoảng cuối tháng 03/2021, do tình hình dịch bệnh Covid - 19, thôn GL, xã PL bị phong tỏa, không có người mua hàng nên C1 cho chị Chiên nghỉ việc, anh L khi nào có khách mua hàng thì C1 liên lạc đến bốc hàng và giao hàng cho khách.

Để thuận lợi cho việc kinh doanh, ngày 27/4/2021, Công ty A2 đăng ký và thông báo phát hành hóa đơn điện tử (mẫu số 01GTKT001, ký hiệu AB/21E) số lượng 1000 số từ số 0000001 đến số 0001000, ngày bắt đầu phát hành hóa đơn ngày 30/4/2021.

Ngày 28/4/2021, sau khi tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định của thông báo phát hành hóa đơn của Công ty A2, Chi cục thuế khu vực TD - QV đã thông báo phát hành hóa đơn điện tử của Công ty A2 lên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trong quá trình hoạt động, kinh doanh, Nguyễn Hữu C1 thấy có nhiều người đến trụ sở của Công ty A2 mua hàng và đặt vấn đề mua không hóa đơn GTGT (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) của Công ty A2 để quyết toán hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho công ty của họ. Thấy việc mua, bán không hóa đơn giá trị gia tăng (gọi tắt là hóa đơn GTGT) kiếm lợi nhuận dễ dàng nên C1 đã thực hiện việc mua, bán không hóa đơn GTGT để kiếm lời bất chính. Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu C1 như sau:

Ngày 02/6/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV, tỉnh BN tiếp nhận đơn trình báo của chị Trần Thị T là nhân viên công ty TNHH TM & DV KBTEK Việt Nam, địa chỉ tại: Số 20, đường Nguyễn Hồng, phường Võ Cường, thành phố BN, tỉnh BN về việc: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại A2, địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, Tỉnh BN có hành vi bán trái phép 05 hóa đơn GTGT loại hóa đơn điện tử nhưng không có hàng hóa kèm theo và giao nộp 05 hóa đơn GTGT, cụ thể:

- 01 hóa đơn số 0000028 ngày 26/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 17.560.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.756.000 đồng.

- 01 hóa đơn số 0000029 ngày 27/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 15.628.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.562.800 đồng.

- 01 hóa đơn số 0000032 ngày 28/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 17.905.500 đồng, tiền thuế GTGT là 1.790.550 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000033 ngày 29/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 18.016.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.801.600 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000034 ngày 30/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 16.559.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.655.900 đồng.

Tổng số tiền hàng theo 05 hóa đơn trên là **85.668.500 đồng**, tiền thuế GTGT là 8.566.850 đồng.

Sau khi nhận được đơn trình báo của chị Trần Thị T, cùng ngày 02/6/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV tiến hành kiểm tra Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại A2 phát hiện Nguyễn Hữu C1 đang có hành vi xuất không 07 hóa đơn GTGT loại hóa đơn điện tử đã ghi sẵn nội dung hàng hóa nhưng không có hàng hóa kèm theo cho Phùng Thị N1, sinh năm 1999, HKTT: T2, xã ĐV, huyện QV, tỉnh BN, nhân viên công ty TNHH Phát triển N1 Tiến, địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN cụ thể:

- 01 hóa đơn số 0000021 ngày 24/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 11.235.200 đồng, tiền thuế GTGT là 1.123.520 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000027 ngày 26/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 17.223.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.722.300 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000030 ngày 27/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 16.203.900 đồng, tiền thuế GTGT là 1.620.390 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000035 ngày 30/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 14.567.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.456.700 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000036 ngày 31/5/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 17.892.600 đồng, tiền thuế GTGT là 1.789.260 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000037 ngày 01/6/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 16.489.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.648.900 đồng.
- 01 hóa đơn số 0000038 ngày 02/6/2021 với tổng giá trị tiền hàng là 14.029.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.402.900 đồng.

Tổng số tiền hàng trên 07 hóa đơn là **107.639.700 đồng**, tiền thuế GTGT là 10.763.970 đồng.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện QV, Nguyễn Hữu C1 đầu thú và khai nhận trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến ngày 02/6/2021, C1 đã bán không 14 hóa đơn GTGT. Cụ thể bán cho Trần Thị T 05 hóa đơn với tổng tiền hàng là 85.668.500 đồng; Phùng Thị N1 07 hóa đơn với tổng tiền hàng 107.639.700 đồng và bán cho người phụ nữ không quen biết khoảng 40 tuổi 02 hóa đơn với tổng tiền hàng là 35.181.500 đồng, cụ thể:

- Khoảng 16 giờ ngày 01/6/2021, C1 đang làm việc tại công ty thì T đến đặt vấn đề mua không 05 hóa đơn GTGT loại hóa đơn điện tử với trị giá tiền hàng khoảng 90.000.000 đồng, C1 hỏi T cần xuất nội dung hàng hóa như thế nào thì T nói “anh cứ cân đối kê cho em phù hợp là được”. C1 đồng ý và kiểm tra hàng hóa đầu vào và đã xuất ra của công ty vẫn còn trong kho như ống nước, mũi khoan, lưới khoét gỗ... Sau đó, C1 mở máy tính vào phần mềm tạo lập hóa đơn điện tử của

công ty tạo lập 05 hóa đơn không ghi sẵn tên hàng hóa, số lượng, tiền hàng, tiền thuế GTGT và tổng tiền phải thanh toán và nghi ngày phát hành gồm các hóa đơn: số 0000028 ngày 26/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 17.560.000 đồng, số 0000029 ngày 27/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 15.628.000 đồng, số 0000032 ngày 28/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 17.905.500 đồng, số 0000033 ngày 29/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 18.016.000 đồng và số 0000034 ngày 30/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 16.559.000 đồng. Tổng giá trị tiền hàng trên 05 hóa đơn trên là **85.668.500 đồng**. Sau khi lập xong hóa đơn, C1 cắm USB chữ ký số của công ty vào máy tính để xác nhận chữ ký rồi tiến hành phát hành 05 hóa đơn đã tạo lập trên. Sau khi phát hành xong, C1 in 05 hóa đơn vừa phát hành ra bản giấy A4, đóng dấu tròn đỏ của công ty vào góc bên trái của tờ hóa đơn GTGT vừa phát hành và in ra đưa cho T. C1 và T thỏa thuận T phải trả cho C1 bằng 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn không là 4.280.000 đồng. Sau đó, T chuyển số tiền trên vào tài khoản của C1, số tài khoản 100885332999 số tiền **4.280.000 đồng**. Khi chuyển tiền cho C1 xong, T yêu cầu C1 viết hóa đơn bán hàng để về thanh toán với công ty, C1 đồng ý và nhờ vợ là Nguyễn Thị H đang dọn dẹp nhà ở gần đó viết hóa đơn cho T, nội dung “Thanh toán tiền thuế 05 hóa đơn”, viết hóa đơn xong H đưa hóa đơn cho T.

Khoảng 15 giờ ngày 02/6/2021, C1 đang ở công ty thì N1 đến đặt vấn đề mua không 07 hóa đơn GTGT, loại hóa đơn điện tử với trị giá tiền hàng khoảng 120.000.000 đồng, C1 đồng ý rồi mở máy tính vào phần mềm tạo lập hóa đơn điện tử của công ty tạo lập 07 hóa đơn GTGT không rồi viết các thông tin về hàng hóa, số lượng, tiền hàng, tiền thuế GTGT và tổng tiền phải thanh toán và nghi ngày phát hành gồm các hóa đơn các số: **0000021** ngày 24/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 11.235.200 đồng, **0000027** ngày 26/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 17.223.000 đồng, **0000030** ngày 27/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 16.203.900 đồng, **0000035** ngày 30/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 14.567.000 đồng, **0000036** ngày 31/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 17.892.600 đồng, **0000037** ngày 01/6/2021 tổng giá trị tiền hàng là 16.489.000 đồng, **0000038** ngày 02/6/2021 tổng giá trị tiền hàng là 14.029.000 đồng. Tổng giá trị tiền hàng trên 07 hóa đơn trên là **107.639.700 đồng**. Sau khi lập xong các hóa đơn, C1 cắm USB chữ ký số của công ty vào máy tính để xác nhận chữ ký rồi tiến hành phát hành 07 hóa đơn đã tạo lập trên. Sau khi phát hành, C1 in 07 hóa đơn vừa phát hành ra bản giấy A4, đóng dấu tròn đỏ của công ty vào góc bên trái của các tờ hóa đơn GTGT vừa phát hành đã in ra. Theo thỏa thuận thì N1 phải trả cho C1 bằng 5% giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn không là **5.380.000 đồng**. Sau đó, C1 bảo vợ là Nguyễn Thị H viết phiếu thu cho N1 số tiền 5.380.000 đồng, viết xong N1 đưa cho H số tiền 5.380.000 đồng. Cùng lúc này tổ công tác Công an huyện QV vào kiểm tra thì N1 đã tự nguyện giao nộp 07 hóa đơn GTGT không vừa mua của C1. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản kiểm tra và thu giữ những đồ vật liên quan tới hành vi bán trái phép hóa đơn của C1.

Khoảng 10 giờ ngày 22/5/2021, C1 đang ở công ty thì có người phụ nữ khoảng 40 tuổi, C1 không quen biết đến giới thiệu là nhân viên của công ty TNHH Phát triển N1 Tiến, địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN đặt vấn đề muốn mua 02 hóa đơn để hợp thức hóa hàng hóa đầu vào của công ty với giá trị tiền hàng khoảng 35.000.000 đồng, C1 đồng ý. Sau đó, mở máy tính vào phần mềm tạo lập hóa đơn điện tử của công ty tạo lập 02 hóa đơn GTGT không rồi viết các thông tin về hàng hóa, số lượng, tiền hàng, tiền thuế GTGT và tổng tiền phải thanh toán và

nghi ngày phát hành gồm các hóa đơn: số **0000017** ngày 21/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 17.939.500 đồng, số **0000018** ngày 22/5/2021 tổng giá trị tiền hàng là 17.242.000 đồng. Tổng giá trị tiền hàng trên 02 hóa đơn trên là **35.181.500** đồng, tiền thuế GTGT là 3.518.150 đồng. Sau khi lập xong các hóa đơn, C1 cắm USB chữ ký số của công ty vào máy tính để xác nhận chữ ký rồi tiến hành phát hành 02 hóa đơn đã tạo lập trên. Sau khi phát hành, C1 in 02 hóa đơn vừa phát hành ra bản giấy A4, đóng dấu tròn đỏ của công ty vào góc bên trái của các tờ hóa đơn GTGT vừa phát hành đã in ra đưa cho người phụ nữ. Theo thỏa thuận thì người phụ nữ phải trả cho C1 bằng 5% giá trị hàng hóa ghi trên các hóa đơn không là **1.760.000 đồng**. Sau đó, người phụ nữ trả C1 số tiền 1.760.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV đã thu giữ:

- + 05 hóa đơn GTGT của công ty A2 phát hành (số 0000028, 0000029, 0000032, 0000033, 0000034) do Trần Thị T giao nộp.
- + 07 hóa đơn GTGT của công ty A2 phát hành (số 0000021, 0000027, 0000030, 0000035, 0000036, 0000037, 0000038) do Phùng Thị N1 giao nộp.
- + 02 hóa đơn GTGT của công ty A2 phát hành (số 0000017, 0000018) do Nguyễn Hữu C1 giao nộp.
- + 01 dấu chức danh Giám đốc Nguyễn Hữu C1; 01 dấu tròn đỏ có nội dung “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI A2” do Nguyễn Hữu C1 giao nộp.
- + Số tiền 11.420.000 đồng do Nguyễn Hữu C1 giao nộp là tiền thu lời bất chính.
- + 01 USB chứa dữ liệu 12 hóa đơn GTGT Nguyễn Hữu Chính đã bán không cho Trần Thị T và Phùng Thị N1.
- + 01 thiết bị chữ ký số NEWCA có in dãy chữ số L11610072211 đã qua sử dụng.
- + 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900 đã qua sử dụng.
- + 01 cây máy tính và 01 màn máy tính nhãn hiệu Dell đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV đã tiến hành xác minh tại Chi cục thuế khu vực TD - QV về việc kê khai, sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty Anh Bình xác định:

- + Công ty A2 được phép sử dụng cả hai hóa đơn GTGT gồm hóa đơn theo mẫu 01/GTKT3/003, ký hiệu AB/20P (hóa đơn giấy) và hóa đơn theo mẫu 01/GTKT0/001, ký hiệu AB/21E (hóa đơn điện tử). Trong kỳ kê khai thuế quý 4 năm 2020, Chi cục thuế khu vực TD - QV đã tiến hành kiểm tra việc kê khai, sử dụng hóa đơn GTGT của công ty A2 xác định năm 2020 công ty A2 đã kê khai, sử dụng hóa đơn GTGT mẫu 01/GTKT3/003 đúng quy định pháp luật. Trong kỳ kê khai thuế quý 1, quý 2 năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/5/2021), công ty A2 đã kê khai và sử dụng 130 hóa đơn GTGT từ số 0000363 đến số 0000492, trong đó: 17 hóa đơn xóa bỏ, 113 hóa đơn sử dụng kê khai, sử dụng đúng quy định.

+ Đối với hóa đơn mẫu 01GTKT0/001, theo thông báo sử dụng hóa đơn từ ngày phát hành 30/4/2021 đến ngày 02/6/2021, công ty A2 phát hành 38 hóa đơn GTGT. Trong đó hủy bỏ 01 hóa đơn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV đã tiến hành xác minh tại các công ty đã sử dụng hóa đơn GTGT của công ty A2 xác định:

+ Đối với 113 hóa đơn mẫu 01/GTKT3/003, công ty A2 xuất bán cho 51 công ty đều đảm bảo đúng các quy định về thuế.

+ Đối với 37 hóa đơn mẫu 01GTKT0/001, công ty A2 xuất bán cho 16 công ty gồm: Công ty TNHH YEONJUNG VINA 01 hóa đơn; công ty TNHH CHANGSUNG VINA 01 hóa đơn; công ty TNHH KIM AN VIỆT NAM 02 hóa đơn; công ty TNHH LAGICO VIỆT NAM 01 hóa đơn; công ty TNHH LẮP MÁY VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH 01 hóa đơn; công ty TNHH AN MỸ VIỆT NAM 01 hóa đơn; công ty CỔ PHẦN GTT VIỆT NAM 01 hóa đơn; công ty ĐIỆN LỰC BẮC NINH 04 hóa đơn; công ty TNHH TƯ ĐỘNG HÓA CIE 02 hóa đơn; công ty TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NAM SƠN 01 hóa đơn; công ty TNHH SAMSOO VINA 01 hóa đơn; công ty TNHH WD TECH 01 hóa đơn; công ty TNHH PHÁT TRIỂN NGỌC TIẾN 09 hóa đơn; công ty TNHH HÓA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG VŨ HOÀNG 04 hóa đơn; công ty TNHH ING VINA 02 hóa đơn; công ty TNHH TM&DV BKTEK VIỆT NAM 05 hóa đơn. Trong đó: 23 hóa đơn được công ty A2 kê khai và sử dụng đúng quy định về thuế; 14 hóa đơn không được công ty kê khai và sử dụng theo quy định (khống), gồm 05 hóa đơn xuất cho công ty TNHH TM&DV BKTEK VIỆT NAM, 09 hóa đơn xuất cho công ty TNHH PHÁT TRIỂN NGỌC TIẾN.

Làm việc với công ty TNHH TM&DV BKTEK VIỆT NAM và công ty TNHH PHÁT TRIỂN NGỌC TIẾN xác định: công ty TNHH TM&DV BKTEK VIỆT NAM và công ty TNHH PHÁT TRIỂN NGỌC TIẾN không thực hiện việc mua hàng hóa và sử dụng hóa đơn GTGT của công ty A2.

*** Về xử lý vật chứng:**

Đối với 14 hóa đơn GTGT của công ty A2 và các tài liệu khác thu thập được của các Công ty có giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty A2 được sử dụng làm chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý.

Đối với các vật chứng còn lại liên quan tới hành vi phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân huyện QV đã Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục thi hành án Dân sự huyện QV để bảo quản và xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 129/CT-VKSQV ngày 10/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QV truy tố Nguyễn Hữu C1 về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của

bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C1 phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 203; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Hữu C1 từ 55.000.000đ đến 60.000.000đ (Xác nhận bị cáo đã nộp 55.200.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QV).

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền bị cáo thu lời bất chính là 11.420.000đ. (Xác nhận bị cáo đã nộp tại Cơ quan Công an huyện QV và được Công an huyện QV chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện QV)

Trả lại Nguyễn Hữu C1 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Hữu C1.

Trả lại Công ty TNHH sản xuất và thương mại A2 01 dấu tròn đỏ có nội dung “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI A2”; 01 máy in nhãn hiệu CanonLBP2900 đã qua sử dụng; 01 bộ máy tính gồm 01 màn hình máy tính và 01 cây máy tính đã qua sử dụng.

Tịch thu, tiêu hủy 01 thiết bị chữ ký số NEWCA có in dãy chữ số L1160072211 đã qua sử dụng.

Lưu giữ trong hồ sơ 01 USB chứa dữ liệu 12 hoá đơn GTGT.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty A2, Nguyễn Hữu C1 thấy việc mua bán hóa đơn GTGT không dễ dàng thực hiện để kiếm lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến ngày 02/06/2021, dưới danh nghĩa Công ty A2, Nguyễn Hữu C1 đã có hành vi xuất bán không 14 số hóa đơn GTGT loại hóa đơn điện tử cho các cá nhân với tổng trị giá tiền hàng là 228.489.700 đồng, tiền thuế GTGT là 22.848.970 đồng, với giá 5%/giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính **11.420.000 đồng**. Đến nay, Nguyễn Hữu C1 đã tự nguyện nộp số tiền 11.420.000 đồng tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Hữu C1 phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định về chính sách quản lý kinh tế của nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì mục đích vụ lợi. Do vậy, cần thiết phải xử bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với hành vi của bị cáo.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và tự nguyện giao nộp số tiền 11.420.000đ để khắc phục hậu quả. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tới cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Hữu C2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, tội phạm bị cáo thực hiện thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là vi phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, do vậy xử lý bằng biện pháp kinh tế (phạt tiền) là một trong những biện pháp có tính giáo dục cao đối với bị cáo cũng như làm giảm thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Ngoài ra, trước khi xét xử, bị cáo đã nộp số tiền 55.200.000đ tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện QV. Do vậy, phạt bị cáo bằng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ sức răn đe như ý kiến đề nghị của đại diện VKS nhân dân huyện QV là phù hợp.

Về vật chứng: Đối với số tiền bị cáo thu lời bất chính là 11.200.000đ cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 dấu tròn đỏ có nội dung “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI A2”; 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900 đã qua sử dụng; 01 bộ máy tính bao gồm 01 màn hình máy tính và 01 cây máy tính đã qua sử dụng là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên được xác định là tài sản của Công ty mà ông Nguyễn Hữu C2 có 80% cổ phần. Khi C1 thực hiện hành vi sử dụng máy tính, máy in của Công ty để bán hóa đơn, ông C2 không biết. Trước khi mở phiên tòa, ông C2 đã có đơn xin lại con dấu công ty, bộ máy tính và máy in này. Nhận thấy yêu cầu của ông C2 là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Hữu C1, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 thiết bị chữ ký số NEWCA có in dãy chữ số L1160072211 đã qua sử dụng, bị cáo đã sử dụng vào việc ký hóa đơn điện tử nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 USB chứa dữ liệu 12 hoá đơn GTGT cần được lưu giữ trong hồ sơ.

- Đối với ông Nguyễn Hữu C2 (là bố đẻ của C1), là người góp vốn cùng C1 thành lập công ty A2. Sau khi thành lập đến nay mọi hoạt động của công ty đều do C1 điều hành; không tham gia vào việc điều hành hoạt động của công ty; không được C1 trao đổi, bàn bạc gì về việc bán trái phép hóa đơn GTGT. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV không xử lý là có căn cứ.

- Đối với chị Nguyễn Thị C được C1 thuê làm kế toán của công ty A2. Tuy nhiên, khoảng cuối tháng 3/2021 do tình dịch bệnh Covid - 19 nên C1 đã cho chị Chiêm nghỉ việc; chị Chiêm không biết gì về hành vi bán khống hóa đơn GTGT của C1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV không xử lý là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Thọ L là nhân viên bán hàng của công ty A2. Anh L được C1 thuê là nhân viên bán và giao hàng cho khách, không biết gì về hành vi bán không hóa đơn GTGT của C1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV không xử lý là phù hợp.

- Đối với chị Nguyễn Thị H (là vợ của C1), là người C1 nhờ viết hóa đơn bán hàng cho Trần Thị T và Phùng Thị N1 (giấy thu tiền bán hóa đơn GTGT). Do là người thân trong gia đình nên viết hộ C1, còn không biết gì về hành vi bán không hóa đơn GTGT của C1 nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV không xử lý là phù hợp.

- Đối với người phụ nữ khoảng 40 tuổi giới thiệu là nhân viên công ty TNHH Phát triển N1 Tiến để mua không 02 hóa đơn GTGT (số 0000017 ngày 21/5/2021, số 0000018 ngày 22/5/2021) của Nguyễn Hữu C1, C1 không quen biết. Quá trình điều tra xác minh tại công ty N1 Tiến không có ai có đặc điểm như C1 đã khai; công ty N1 Tiến không mua hàng hóa và sử dụng 02 hóa đơn GTGT trên của công ty A2. Cơ quan điều tra Công an huyện QV tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

- Đối với Trần Thị T là nhân viên của công ty TNHH TM&DV BKTEK VIỆT NAM và Phùng Thị N1 là nhân viên của công ty TNHH PHÁT TRIỂN NGỌC TIẾN có hành vi mua hóa đơn không của Nguyễn Hữu C1. T và N1 khai nhận là nhân viên thử việc của công ty do không hiểu biết pháp luật đã tự mua hóa đơn GTGT không của C1. Công ty không chỉ đạo việc mua không hóa đơn, số hóa đơn GTGT mà T và N1 mua không chưa được sử dụng. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV không xử lý mà nhắc nhở đối với N1, T là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C1 phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 203; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hữu C1 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

Xác nhận Nguyễn Hữu C1 đã nộp số tiền 55.200.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0003256 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án huyện QV.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 11.200.000 đồng. (Xác nhận số tiền đã được Công an huyện QV chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện QV theo biên lai số 0003254 ngày 13/10/2021)

Tịch thu tiêu hủy 01 thiết bị chữ ký số NEWCA có in đầy chữ số L1160072211 đã qua sử dụng.

Trả lại cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại A2 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900 đã qua sử dụng; 01 bộ máy tính gồm 01 màn hình máy tính và 01

cây máy tính đã qua sử dụng; 01 dấu tròn đỏ có nội dung “CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI A2”;

Trả lại cho Nguyễn Hữu C1 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Hữu C1
Lưu giữ trong hồ sơ: 01 USB chứa dữ liệu 12 hoá đơn GTGT.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 13/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV với Chi cục thi hành án dân sự huyện QV, tỉnh BN).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Hữu C1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh, VKS tỉnh BN;
- Sở Tư pháp BN;
- Viện kiểm sát, Công an huyện QV;
- Thi hành án huyện QV;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Liên